TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày 17-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng;

2. Ông Phạm Việt Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Danh T, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. Bà Bùi Thu D, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Danh T, bà Bùi Thu D thống nhất trình bày: Ông bà là hụi viên, bà T1 ông C là chủ hụi, bà T1 và ông Công nợ ông bà tiền hụi cụ thể sau:

1. Dây hụi mở ngày 12/10/2020, loại 2.000.000 đồng, có 34 phần hụi. Ông bà tham gia 1 phần hụi. Hụi đóng đến kỳ thứ 09 thì bà T1, ông C không tiếp tục thu

nữa dừng hụi. Số tiền thực đóng mỗi kỳ là 1.500.000 đồng. Số tiền yêu cầu là 09 kỳ x 1.500.000 đồng = 13.500.000 đồng.

2. Dây hụi mở ngày 15/7/2015, loại 6.000.000 đồng, có 15 phần hụi. Ông bà tham gia 1 phần hụi. Hụi đóng đến kỳ thứ 13 thì bà T1, ông C không tiếp tục thu nữa dừng hụi. Số tiền thực đóng mỗi kỳ là 4.500.000 đồng. Số tiền yêu cầu là 13 kỳ x 4.500.000 đồng = 58.500.000 đồng.

Tổng số tiền nợ ông bà yêu cầu là 72.000.000 đồng.

Ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1, ông C trả số tiền 72.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Lời khai tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14 tháng 7 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Phương T1 trình bày: Bà đồng ý với thông tin khoản nợ và số nợ mà nguyên đơn trình bày, yêu cầu được trả dần số tiền trên.

Lời khai tại biên bản hoà giải ngày 09 tháng 7 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Hữu Công trình B: Ông xác định thống nhất đối với thông tin các dây hụi như nguyên đơn trình bày. Việc tham gia hụi do vợ ông trực tiếp thực hiện, ông không trực tiếp theo dõi hụi nên không biết rõ số tiền nợ hụi cụ thể. Ông đồng ý có nợ hụi nguyên đơn và đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, hiện tại hoàn cảnh của ông khó khăn nên yêu cầu được trả dần số tiền trên cho nguyên đơn. Hiện nay ông và bà T1 vẫn là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Danh T, bà Bùi Thu D khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ từ hoạt động hụi nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Phương T1 cư trú tại xã K, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu C vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Bà Nguyễn Phương T1 vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt bà. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng ông T, bà D cho rằng vợ chồng bà T1, ông C có nợ của ông bà số tiền 72.000.000 đồng từ hoạt đồng giao dịch hụi. Lời khai của bà T1, ông C thừa nhận ông bà có nợ của ông T, bà Dân số tiền như trên. Đây là tính tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, số tiền 72.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng bà T1, ông C. Như vậy việc ông T, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà

T1, ông C trả tiền nợ hụi là có căn cứ nên áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, buộc vợ chồng bà T1, ông C trả số tiền nợ hụi là 72.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Ông T, bà D không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T1, ông C phải chịu là 72.000.000 đồng * 5% = 3.600.000 đồng. Do yêu cầu của ông T, bà D được chấp nhận nên ông bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Phương T1, ông Nguyễn Hữu C trả cho vợ chồng ông Nguyễn Danh T, bà Bùi Thu D số tiền nợ hụi là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Phương T1, ông Nguyễn Hữu C phải chịu 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp